

Bản án số: **73/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 17 - 10 - 2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quang Chung**
2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2019, tại Hội T xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị L**, sinh năm: 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp PT, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN;

Chỗ ở: Số 4, ấp HĐ, Khu phố 1, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh ĐN.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 3, ấp PT, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Vắng mặt chị L, anh C do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh C thường có hành vi bạo lực đối với chị. Từ năm 2017 cho đến nay, chị và anh C không còn sống chung, không còn liên lạc và quan tâm nhau. Tháng 12/2018, chị khởi kiện ly hôn với anh C tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, sau đó chị lại rút đơn khởi kiện tạo cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng giữa vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Nay tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là Phạm Quốc V, sinh ngày 10/4/2005; Phạm Quang T, sinh ngày 30/5/2007; Phạm Tiến Đ, sinh ngày 10/9/2009. Hiện nay cháu T do anh C nuôi dưỡng, chị nuôi dưỡng các cháu V, Đ. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu Phạm Quốc V, Phạm Tiến Đ và đồng ý giao cháu Phạm Quang T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo lời trình bày của anh Phạm Văn C thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban dân dân xã Phú Trung. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L nhiều lần tự ý bỏ nhà đi nhưng không rõ lý do, vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã. Cuối năm 2017, chị L tiếp tục bỏ đi không thấy trở về và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Do anh theo đạo công giáo và mâu thuẫn vợ chồng quá nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung là Phạm Quốc V, sinh ngày 10/4/2005; Phạm Quang T, sinh ngày 30/5/2007; Phạm Tiến Đ, sinh ngày 10/9/2009. Trong thời gian vợ chồng không sống chung, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; chị L trực tiếp nuôi dưỡng các cháu V, Đ. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, đồng ý giao hai cháu V, Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai báo anh và chị L không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau:

- + 01 (một) CMND của chị L (Bản sao);
- + 03 (ba) Giấy khai sinh (Bản sao);
- + 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- + 01 (một) Sổ hộ khẩu số 190096608 đứng tên chủ hộ Phạm Văn C (Bản sao).

- *Chứng cứ do anh C giao nộp*: Không có.

- *Tòa án đã thu thập những tài liệu, chứng cứ sau*: Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng đề ngày 12/6/2019;

Biên bản lấy lời khai của anh Phạm Văn C;

Biên bản lấy ý kiến của các con chung.

Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho nguyên đơn, bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị L được ly hôn anh C.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị 03 con chung là Phạm Quốc V, sinh ngày 10/4/2005; Phạm Quang T, sinh ngày 30/5/2007; Phạm Tiến Đ, sinh ngày 10/9/2009. Đề nghị giao hai cháu V, Đ cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị L, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị L, anh C không yêu cầu Tòa án xem xét. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị L, anh C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết:

Anh Phạm Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 3, ấp PT, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a,

khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[1.2]. Xác định quan hệ pháp luật: Chị Lương Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh C vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 16/4/2019 chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị L là nguyên đơn, anh C là bị đơn trong vụ án.

[1.4]. Chị L, anh C do bận công việc nên có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của anh chị về việc vắng mặt tại phiên tòa xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị L:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị L, anh C xác lập vào năm 2005, được Ủy ban nhân dân xã Phú Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2005. Chị L có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Xét lời khai của chị L, anh C và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không có phương án hòa giải. Từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Do anh C theo đạo Công giáo và mâu thuẫn vợ chồng quá nhỏ, không trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn chị L.

Sau khi thụ lý vụ án anh C có đến Tòa để cung cấp lời khai trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Sau đó anh C vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm. Điều này chứng tỏ anh C không có thiện chí duy trì quan hệ hôn nhân của vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ xác định anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị L, anh C có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp thuận yêu cầu của chị L, cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

[2.2]. Về việc nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L, anh C có 03 con chung là Phạm Quốc V, sinh ngày 10/4/2005; Phạm Quang T, sinh ngày 30/5/2007; Phạm Tiến Đ, sinh ngày 10/9/2009.

Trong thời gian vợ chồng không sống chung, các cháu V và Đ do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu T do anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu V, Đ; đồng ý giao cháu T cho anh C nuôi dưỡng. Anh C đồng ý với ý kiến do chị L đề ra.

Xét, thỏa thuận giữa chị L, anh C về việc nuôi con là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu V, T, Đ nên Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Quốc V, Phạm Tiến Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phạm Quang T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Do anh C, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị L, anh C kê khai không có.

[3]. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006357 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị L được ly hôn anh Phạm Văn C.

- *Về con chung:* Giao hai con chung Phạm Quốc V, sinh ngày 10/4/2005 và Phạm Tiên Đ, sinh ngày 10/9/2009 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Phạm Quang T, sinh ngày 30/5/2007 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh C, chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không ai yêu cầu.

Chị L, anh C có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét

2. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006357 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí, chị L đã nộp đủ.

3. T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Trung (để ghi vào sổ hộ tịch; số 48/2005 ngày 19/9/2005);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh

